TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG** Bản án số: **167**/2019/DS-PT Ngày 26- 9- 2019 V/v tranh chấp "Đòi giá trị quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất".	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hà.

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Hải.

Ông Cao Minh Lễ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Nguyễn Ngọc Bình- Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ ý số: 156/2019/TLPT- DS ngày 12 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp "Đòi giá trị quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 163/2019/DS- ST ngày 31 tháng 5 năm 2019 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số: 29/2019/QĐ- SCBSBA ngày 11 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 148/2019/QĐPT-DS ngày 12 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Bà Võ Thị M, sinh năm 1960.

1.2 Ông Văn Minh Kh, sinh năm 1960.

Cùng cư trú: Tổ 02, ấp H L, xã H L, huyện P T, tỉnh AG.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Bùi Trần Phú Thư, sinh năm 1976, cư trú ấp Mỹ Lương, thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 25/3/2019 (Có mặt).

2. Bị đơn:

2.1 Ông Nguyễn Hồ Huy H, sinh năm 1968 (Xin vắng mặt).

2.2 Bà Nguyễn Thị Lệ X, sinh năm 1971 (Xin vắng mặt).

2.3 Chị Nguyễn Hồ Nguyệt N, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

2.4 Cháu Nguyễn Hồ Hải N1, sinh ngày 02/9/2003 do bà Nguyễn Thị Lệ X là người đại diện theo pháp luật.

Cùng cư trú: Số 72, tổ 02, ấp H L, xã H L, huyện P T, tỉnh AG.

2.5 Bà Nguyễn Hồ Anh Th, sinh năm 1967 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp Hòa Bình 3, xã H L, huyện Ph T, tỉnh A G.

2.6 Bà Nguyễn Hồ Diễm Th, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Lô C22.6, Chung cư Ph H A 1, số 9, đường N H Th, xã Ph K, huyện Nh B, Thành Phố H C M.

2.7 Bà Nguyễn Hồ Ngọc Th, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm Long Thạnh C, phường L H, thị xã T Ch, tỉnh A G.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn (Ông Hoàng): Ông Lôi Văn Đức là luật sư của Văn phòng luật sư Hùng Đức thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân: Ông Phạm Hoài Phong là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 61/GUQ-UBND ngày 26/8/2019 (Xin vắng mặt).

3.2 Bà Võ Thị B, sinh năm 1950 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp Lộc, xã H L, huyện Ph T, tỉnh A G.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Hồ Huy H và bà Nguyễn Thị Lệ X là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Võ Thị M và ông Văn Minh Kh ủy quyền cho bà Bùi Trần Phú Th trình bày:

Bà M và ông Kh là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 24/11/1997 do UBND xã Hòa Lạc cấp. Nguồn gốc phần đất diện tích 1.750m^2, tờ bản đồ số 3, thửa số 99, 177, 178, mục đích sử dụng đất thổ cư + LNK + ao, toạ lạc tại xã H L, huyện Ph T, tỉnh A G là của cha mẹ ruột của bà M là cụ Võ Văn M1, chết năm 2003 và cụ Trần Thị D, chết năm 2011 để lại cho ông bà và ông bà đi kê khai là tài sản chung của vợ chồng và được UBND huyện Phú Tân cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02416/QSDĐ.IC ngày 18/02/2002 cho bà M. Trên đất có căn nhà của bà Đ1 và con là ông H có diện tích 127,4m^2 gắn liền với phần đất diện tích 543m^2. Vào năm 1978 bà Đ1 có nhờ ông H2 năn nỉ cha của bà M cho làm nhà ở nhờ trên đất. Chính ông H đã ký tên vào Tờ xác nhận ngày 02/3/2003 là tạm ngụ trên phần đất này có Ủy ban nhân dân xã Hòa Lạc chứng

thực nhưng ông H không thừa nhận chữ ký và dấu vân tay của ông, vì vậy Tòa án đã đưa đi giám định và kết quả là dấu vân tay bị nhòe không đủ yếu tố giám định, riêng chữ ký là của ông H.

Ông bà yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Đàng và những người đang ở trên đất gồm: Ông H, bà X, chị N, cháu N1 (Do ông H và bà X là người đại diện), bà Anh Th, bà Diễm Th và bà Ngọc Th phải chịu trách nhiệm trả giá trị phần đất diện tích 127,4m^2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02416/QSDĐ.IC ngày 18/02/2002 cho bà M với số tiền 40.000.000đ, ông bà đồng ý giao đất cho bị đơn tiếp tục quản lý, sử dụng.

Bị đơn là ông Nguyễn Hồ Huy H và bà Nguyễn Thị Lệ X trình bày:

Ông bà là vợ chồng có 02 con tên Nguyễn Hồ Nguyệt N, Nguyễn Hồ Hải N1 sống chung trong căn nhà của cha mẹ là bà Hồ Thị Đ1 (chết ngày 29/5AL/2017) và ông Nguyễn Văn H3 (chết ngày 29/11AL/2011). Cha mẹ có các con gồm: Anh H, chị Nguyễn Hồ Anh Th, chị Nguyễn Hồ Diễm Th và chị Nguyễn Hồ Ngọc Th.

Nguồn gốc đất tranh chấp của ông Hương Quãn V cho cha mẹ là ông H1, bà Đ1 cất nhà ở trên đất vĩnh viễn nhưng không làm giấy tờ, sau đó cha mẹ của bà M là ông M và bà D đi khai người cày có ruộng, từ đó mới cho cha mẹ của ông H tiếp tục ở trên đất, chỉ nói bằng miệng chứ không có giấy tờ. Căn nhà do cha mẹ cất vào năm 1972 cho đến nay có diện tích ngang khoảng 6,15m, dài khoảng 13,3m bằng 81,79m^2, nhà sàn có lầu ngang 6,55m, dài 9m bằng 58,95m^2, có mái che trước nhà, nền gạch men, bê tông cốt thép, cột trụ sắt, mái lợp tole (ông bà sữa chữa lại và có sử dụng lại 01 số cây, sắt của căn nhà cũ), hiện nay ông bà và 02 con đang ở. Đối với Tờ xác nhận ngày 02/3/2003 không phải chữ ký và dấu vân tay của ông H.

Ông bà không đồng ý trả giá trị quyền sử dụng đất trị giá 40.000.000đ cho ông Kh và bà M**,** vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà M không hợp pháp và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng cấp cho bà M. Đối với Tờ xác nhận ngày 02/3/2003, nếu kết quả giám định không phải của ông thì ông không phải trả 40.000.000đ, nếu kết quả giám định là của ông và việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M là hợp pháp, ông sẽ trả 40.000.000đ cho họ.

Ông bà yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà M và yêu cầu công nhận phần đất diện tích 543m^2 cho ông bà.

Bà Nguyễn Hồ Nguyệt N và cháu Nguyễn Hồ Hải N1 do ông H và bà X là người đại diện theo pháp luật trình bày: Hai người là con của ông H, bà X và đang sống chung trong nhà với cha mẹ. Đối với việc tranh chấp giữa bà M với cha mẹ tùy cha mẹ quyết định, không có ý kiến.

Bà Nguyễn Hồ Diễm Th, Nguyễn Hồ Anh Th, Nguyễn Hồ Ngọc Th trình bày: Các bà là con của bà Đàng và ông Huyện, là em của ông H. Các bà thống nhất ý kiến của ông H trong vụ án tranh chấp với bà M đã trình bày trên.

Bà Võ Thị B trình bày: Bà là chị ruột của bà M, vào ngày 02/3/2003 ông Kh và bà M đi dạy học, ở nhà giữa bà với ông H mới làm Tờ xác nhận có nội dung:

“Tôi Nguyễn Hồ Huy H xác nhận hộ tôi hiện đang tạm ngụ trên phần đất của dì Võ Thị B là thật. Nếu khi nào tôi không ở nữa, tôi sẽ trả lại diện tích đất thổ cư cho dì B, còn hiện tại phần thuế nhà đất do dì B đứng tên trên phần thổ cư tôi tạm trú, tôi sẽ đóng lại cho dì B để hằng năm dì đóng cho Nhà nước. Nay tôi làm xác nhận này để dì B làm bằng”.

Do đất là của bà M nên khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà M đứng tên. Tuy làm giấy tờ với bà nhưng đất đó là của bà M chứ không phải của bà nên bà M có quyền tranh chấp với ông H, bà không có liên quan.

Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân ủy quyền cho ông Đỗ Thanh T trình bày: Ngày 25/5/2000 bà M, ông Kh làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.750m^2, thửa số 99, 177, 178, tờ bản đồ số 03, Đơn xin cấp giấy được UBND xã Hòa Lạc xét duyệt ngày 13/6/2001 và lập thủ tục đề nghị UBND huyện xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M. Ngày 18/02/2002 UBND huyện Phú Tân cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02416.QSDĐ/IC cho bà M. Nguồn gốc sử dụng đất là chuyển nhượng của bà Phương năm 1980 và chuyển nhượng của ông Liêm năm 1998. Theo kết quả xác minh và kiểm tra thực tế hiện trạng khu đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02416.QSDĐ/IC ngày 18/02/2002 cho bà M thì trên đất có căn nhà của bà Đàng sử dụng ổn định từ trước năm 1975 đến nay nhưng trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M không có giấy tờ thỏa thuận hoặc cam kết ở đậu giữa bà Đàng với bà M nên việc bà M làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất đã có căn nhà của bà Đàng và được UBND xã Hòa Lạc xét duyệt ngày 13/6/2001 là chưa phù hợp, bởi vì: Bà M không phải là cá nhân đang sử dụng đất, thời điểm xét duyệt UBND xã Hòa Lạc thiếu thẩm tra, xác minh thực tế hiện trạng khu đất bà M xin cấp giấy. Do đó, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02416.QSDĐ/IC diện tích 1.750m^2 cho bà M là thực hiện chưa đảm bảo theo quy định pháp luật tại thời điểm đó. Tại khoản 3 Điều 36 Luật Đất đai năm 1993 và Điều 1, Điều 6 của bản qui định kèm theo Quyết định số 283/1999/QĐ.UB ngày 13/02/1999 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành bản qui định về trình tự và thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, đất chuyên dùng và đất vườn tại nông thôn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 163/2019/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2019 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 29/2019/QĐ-SCBSBA ngày 11/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang đã tuyên xử:

- Buộc ông Nguyễn Hồ Huy H, bà Nguyễn Thị Lệ X, chị Nguyễn Hồ Nguyệt N, cháu Nguyễn Hồ Hải N1 (do bà X đại diện), Nguyễn Hồ Anh Th, Nguyễn Hồ Diễm Th và Nguyễn Hồ Ngọc Th phải cùng chịu trách nhiệm trả giá trị quyền sử dụng 127,4m^2 tương ứng số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng chẵn) cho bà Võ Thị M và ông Văn Minh Kh.

- Ông Nguyễn Hồ Huy H, bà Nguyễn Thị Lệ X, chị Nguyễn Hồ Nguyệt N, cháu Nguyễn Hồ Hải N1 (do bà X đại diện), Nguyễn Hồ Anh Th, Nguyễn Hồ Diễm Th và Nguyễn Hồ Ngọc Th được quyền sử dụng diện tích đất 127,4m^2, tại các điểm 11, 12, 13, 14, 15 và 16 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng

Đăng ký đất đai chi nhánh huyện Phú Tân lập ngày 02/02/2016, nằm trong 01 phần thửa 99, tờ bản đồ số 3, có tổng diện tích 543m^2. Các đương sự có tên trên đây phải đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai diện tích đất nói trên theo quy định pháp luật.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hồ Huy H và bà Nguyễn Thị Lệ X đòi hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02416.QSDĐ/iC ngày 18/02/2002 diện tích 1.750m^2 do bà Võ Thị M đứng tên.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hồ Huy H và bà Nguyễn Thị Lệ X đòi công nhận 543m^2 đất nằm trong thửa số 99, tờ bản đồ số 3, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02416/QSDĐ. IC ngày 18/02/2002 diện tích 1.750m^2, gồm đất thổ cư, lâu năm khác và đất ao, toạ lạc xã Hòa Lạc, Phú Tân, An Giang do bà M đứng tên.

- Buộc Ông Nguyễn Hồ Huy H, bà Nguyễn Thị Lệ X, chị Nguyễn Hồ Nguyệt N, cháu Hồ Hải N1 (do bà X đại diện), Nguyễn Hồ Anh Th, Nguyễn Hồ Diễm Th và Nguyễn Hồ Ngọc Th phải hoàn trả lại chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chí phí định giá và chi phí ký hợp đồng đo đạc cho bà Võ Thị M và ông Văn Minh Kh là 1.899.105đ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Nguyễn Hồ Huy H, bà Nguyễn Thị Lệ X, chị Nguyễn Hồ Nguyệt N, cháu Nguyễn Hồ Hải N1 (do bà X đại diện), bà Nguyễn Hồ Anh Th, bà Nguyễn Hồ Diễm Th và bà Nguyễn Hồ Ngọc Th phải cùng chịu án phí đối với số tiền phải trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông Kh và bà M là 2.000.000đ.

+ Ông Nguyễn Hồ Huy H, bà Nguyễn Thị Lệ X phải cùng chịu án phí đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không được chấp nhận là 300.000đ.

+ Ông Nguyễn Hồ Huy H, bà Nguyễn Thị Lệ X phải cùng chịu án phí đối với yêu cầu đòi công nhận 543m^2 đất không được chấp nhận là 300.000đ.

Tổng số tiền án phí các đương sự trên đây phải chịu là 2.600.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông H, bà Đàng và bà X đã nộp là 3.458.000đ theo 02 biên lai thu số 0001469 ngày 20/4/2016 và số 0016670, ngày 29/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Số còn lại 854.000đ hoàn trả lại cho ông H, bà X.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10 tháng 6 năm 2019 ông Nguyễn Hồ Huy H và bà Nguyễn Thị Lệ X là bị đơn trong vụ án nộp Đơn kháng cáo yêu cầu hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 163/2019/DS-ST ngày 31/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX, thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị HĐXX phúc xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H và bà X, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 163/2019/DS-ST ngày 31/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Hồ Huy H và bà Nguyễn Thị Lệ X nộp Đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên đủ cơ sở pháp lý để xem xét yêu cầu kháng cáo của ông H và bà X theo trình tự phúc thẩm.

Ông H và bà X có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ghi ngày 25/9/2019 phù hợp với khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự nên được HĐXX chấp nhận.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là bà M, ông Kh giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn là ông H, bà X giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 163/2019/DS-ST ngày 31/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

[3] Xét kháng cáo của ông H và bà X, về nguồn gốc phần đất diện tích 1.750m^2, tờ bản đồ số 3, thửa số 99, 177, 178, mục đích sử dụng đất thổ cư + lâu năm khác + ao, tọa lạc xã H L, huyện Ph T, tỉnh A G là của ông Minh và bà Dung (là cha mẹ của bà M) để lại có kê khai theo Luật người cày có ruộng vào năm 1972. Đất đã được UBND huyện Phú Tân cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02416.QSDĐ/IC ngày 18/02/2002 cho bà M. Ông H cho rằng ông Minh, bà Dung đã cho đứt cha mẹ ông là ông Huyện và bà Đàng phần đất diện tích 543m^2 để làm nhà ở từ năm 1972 đến nay nhưng ông Kh, bà M không thừa nhận và ông H, bà X không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc ông Minh, bà Dung đã cho phần đất này. Tại Tờ xác nhận ngày 02/3/2003 ông H xác nhận hộ của ông hiện đang tạm ngụ trên phần đất của bà B là thật và khi nào không ở nữa sẽ trả lại. Mặc dù, ông H không thừa nhận do ông ký tên và lăn tay vào Tờ xác nhận ngày 02/3/2003 nhưng tại bản Kết luận giám định số 365/KLGĐ-PC 54 ngày 24/10/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang đã kết luận "Chữ ký mang tên Nguyễn Hồ Huy H trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký mang tên Nguyễn Hồ Huy H trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1- M5 do cùng một người ký ra", bà B xác định ông H ký Tờ xác nhận ngày 02/3/2003 là ở tạm trên đất của bà nhưng phần đất này là của bà M. Như vậy, căn nhà của ông H, bà X cất trên phần đất diện tích 127,4m^2 của bà M nhưng thời gian qua ông H, bà X đã ở ổn định, lâu dài và ngoài phần đất này ra ông H, bà X không còn phần đất nào khác để di dời nhà và ông Kh, bà M đồng ý giao phần đất diện tích 127,4m^2 cho ông H, bà X, chị N, cháu N1 (Do ông H, bà X là người đại diện theo pháp luật), bà Anh Th, bà Diễm Th và bà Ngọc Th được tiếp tục quản lý, sử dụng và

buộc ông H, bà X, chị N, cháu N1 (Do ông H và bà X là người đại diện theo pháp luật), bà Anh Th, bà Diễm Th và bà Ngọc Th cùng phải có nghĩa vụ liên đới giao trả giá trị quyền sử dụng đất diện tích 127,4m^2 với số tiền 40.000.000đ như cấp sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ.

Về yêu cầu của ông H, bà X yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02416.QSDĐ/iC ngày 18/02/2002 cấp cho bà M. Xét thấy, tại Công văn ngày 08/9/2016 và Công văn số 1192/UBNS-TNMT ngày 11/5/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân có mâu thuẫn với nhau, khi thì xác định về trình tự cấp giấy chứng nhận được thực hiện đúng theo quy định và khi lại xác định việc thực hiện chưa đảm bảo theo quy định. Tuy nhiên, ông Kh và bà M chỉ yêu cầu bị đơn hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất nên không cần thiết phải hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà M mà cần điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo thực tế các bên đang sử dụng là phù hợp. Do đó, án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu bà X, ông H yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp bà M là có có căn cứ.

Đối với yêu cầu của ông H, bà X yêu cầu công nhận phần đất diện tích 543m^2, thửa đất số 99, tờ bản đồ số 3, mục đích sử dụng đất thổ cư + lâu năm khác + ao, toạ lạc xã H L, huyện Ph T, tỉnh A G theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02416/QSDĐ.IC ngày 18/02/2002 cấp cho bà M. Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu của ông H, bà X đối với phần đất diện tích 543m^2 là chưa chính xác, vì cấp sơ thẩm đã giao phần đất diện tích 127,4m^2 cho các bị đơn tiếp tục quản lý sử dụng nên không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông H, bà X đối với phần đất diện tích 415,6m^2. Tại phiên tòa phúc thẩm ông H, bà X không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo cuả mình nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H, bà X.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị nên được giữ nguyên.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H và bà X. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 163/2019/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2019 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 29/2019/QĐ-SCBSBA ngày 11/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân như đã được nhận định trên và đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tại phiên tòa, không chấp nhận đề xuất của Luật sư bảo vệ cho ông H.

[4] Về án phí: Án sơ thẩm buộc ông H, bà X phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng. Căn cứ Điều 6 Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-TP ngày 06/01/2014 thì yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Bà M đã nộp 500.000đ tiền tạm ứng án phí nhưng án sơ thẩm không đề cập là thiếu sót nên cần điều chỉnh cho phù hợp. Bà M được nhận lại 500.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001236 ngày 11/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Do sửa bản án sơ thẩm nên ông H, bà X không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm, ông H và bà X được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 256, Điều 258 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Khoản 2 Điều 30 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hồ Huy H và bà Nguyễn Thị Lệ X. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 163/2019/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

3. Buộc ông Nguyễn Hồ Huy H, bà Nguyễn Thị Lệ X, chị Nguyễn Hồ Nguyệt N, cháu Nguyễn Hồ Hải N1 (do ông H, bà X là người đại diện theo pháp luật), bà Nguyễn Hồ Anh Th, bà Nguyễn Hồ Diễm Th và bà Nguyễn Hồ Ngọc Th cùng phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị M và ông Văn Minh Kh giá trị quyền sử dụng đất diện tích 127,4m^2 với số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

4. Ông Nguyễn Hồ Huy H, bà Nguyễn Thị Lệ X, chị Nguyễn Hồ Nguyệt N, cháu Nguyễn Hồ Hải N1 (do ông H, bà X là người đại diện theo pháp luật), bà Nguyễn Hồ Anh Th, bà Nguyễn Hồ Diễm Th và bà Nguyễn Hồ Ngọc Th được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất diện tích đất 127,4m^2 (là một phần của thửa số 99, tờ bản đồ số 3), tọa lạc xã H L, huyện Ph T, tỉnh A G theo Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Phú Tân lập ngày 02/02/2016 được giới hạn bởi các điểm 11, 12, 13, 14, 15 và 16. Đất đã được UBND huyện Phú Tân cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02416.QSDĐ/iC ngày 18/02/2002 cho bà Võ Thị M.

5. Các đương sự phải có nghĩa vụ liên hệ đến các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký cấp và điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

6. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hồ Huy H và bà Nguyễn Thị Lệ X yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02416.QSDĐ/iC ngày 18/ 02/2002 cấp cho bà Võ Thị M.

7. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hồ Huy H và bà Nguyễn Thị Lệ X yêu cầu công nhận phần đất diện tích 415,6m^2, thửa đất số 99, tờ bản đồ số 3, mục đích sử dụng đất thổ cư + lâu năm khác + ao, toạ lạc xã H L, huyện Ph T, tỉnh A G theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02416/QSDĐ.IC ngày 18/02/2002 cấp cho bà Võ Thị M.

8. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Hồ Huy H, bà Nguyễn Thị Lệ X, chị Nguyễn Hồ Nguyệt N, cháu Nguyễn Hồ Hải N1 (do ông H, bà X là người đại diện theo pháp luật), bà Nguyễn Hồ Anh Th, bà Nguyễn Hồ Diễm Th và bà Nguyễn Hồ Ngọc Th phải trả lại cho bà Võ Thị M và ông Văn Minh Kh số tiền 1.899.105đ

(Một triệu tám trăm chín mươi chín nghìn một trăm lẽ năm đồng) chi phí đo đạc, định giá, thẩm định tại chỗ.

9. Về án phí:

9.1 Ông Nguyễn Hồ Huy H, bà Nguyễn Thị Lệ X, chị Nguyễn Hồ Nguyệt N, cháu Nguyễn Hồ Hải N1 (do ông H, bà X đại diện theo pháp luật), bà Nguyễn Hồ Anh Th, bà Nguyễn Hồ Diễm Th và bà Nguyễn Hồ Ngọc Th phải nộp 2.300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Án phí được khấu trừ vào số tiền 3.458.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001469 ngày 20/4/2016 và số 0016670 ngày 29/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân nên ông H, bà X được nhận lại 1.158.000đ (Một triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng).

9.2. Ông Nguyễn Hồ Huy H và bà Nguyễn Thị Lệ X không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm nên ông H và bà X được lại 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005825 ngày 10/6/2019 và số 0005998 ngày 24/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

9.3 Bà Võ Thị M được nhận lại 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001236 ngày 11/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi c hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H.Phú Tân;
- TAND.H Phú Tân
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thúy Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Minh Lễ **Trần Minh Hải** **Trần Thị Thúy Hà**